| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG**<br>**TỈNH TUYÊN QUANG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **298**/2019/HNGĐ-ST
Ngày 31/10/2019
*"Về việc tranh chấp hôn nhân gia đình giữa Chị Vũ Thị Thanh N và Anh Nguyễn Xuân t"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG**
***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Lương Thanh Huyền.

*Các Hội thẩm nhân dân:*
1. Ông Nguyễn Tiến Quân.
2. Ông Hứa Ngọc Cương.

*Thư ký phiên toà:* Bà Triệu Thị Thúy Tình - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa*: Ông Vũ Khánh Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Q mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 159/2019/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 6 năm 2019 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20/9/2019; quyết định hoãn phiên tòa số 23/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 10/10/2019 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị Thanh N, sinh năm: 1982;
Địa chỉ: Số nhà 125, tổ 11 (nay là tổ 7), phường H, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang.

** Bị đơn:* Anh Nguyễn Xuân t, sinh năm 1982;
Địa chỉ: Số nhà 125, tổ 11 (nay là tổ 7), phường H, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang.

*(Chị Nga có mặt tại phiên tòa;*
*anh Thành vắng mặt tại phiên tòa không có lý do)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, ý kiến tại phiên tòa Chị Vũ Thị Thanh N trình bày: Chị và Anh Nguyễn Xuân t có thời gian tự do tìm hiểu, yêu nhau và tự nguyện kết hôn. Khi kết hôn có tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn đúng quy định tại UBND xã S, huyện K, tỉnh H ngày 10/7/2008. Sau khi kết hôn chị chuyển hộ khẩu về gia đình nhà anh T ở thành phố Q, đến thời điểm hiện tại hai vợ chồng và các con đều có chung khẩu với gia đình anh T tại tổ 11 (nay là tổ 7), phường H, thành phố Q. Sau khi kết hôn chị có cùng gia đình một thời gian, nhưng do công

việc làm ăn nên hai vợ chồng đi H làm, thỉnh thoảng thì cùng về nhà bố mẹ anh T. Các con chị khi khai sinh đều khai sinh tại Tuyên Quang và cùng có đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường T, thành phố Q. Cuộc sống chung của vợ chồng chị không có hạnh phúc do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi chửi nhau, anh T nhiều lần đánh chị thâm tím mặt mày, có những vết thương sâu để lại sẹo. Lần cuối cùng khi chị bỏ nhà đi là do bị anh T đánh đau quá, khi đi chị không được mang theo giấy tờ gì kể cả chứng minh nhân dân vì anh T giữ lại. Cũng từ năm 2017 chị và anh T chính thức sống ly thân, không quan tâm đến nhau nữa, cũng không còn tình cảm gì. Hiện nay, anh T làm gì chị không rõ, chỉ thỉnh thoảng anh T gọi điện hỏi thăm con. Gia đình anh T hiện nay vẫn đang ở tổ 11 (nay là tổ 7), phường H, thành phố Q. Đến nay, chị xác định chị không còn tình cảm với anh T, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Q giải quyết cho chị được ly hôn với Anh Nguyễn Xuân t.

Về con chung: Chị và Anh Nguyễn Xuân T có 02 con chung, cháu Nguyễn Vũ Bảo N, sinh ngày 21 tháng 8 năm 2009; cháu Nguyễn Vũ Bảo L, sinh ngày 17 tháng 7 năm 2011. Hiện nay, cả hai con chung của chị với anh T đều do chị đang trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu N đang học nội trú tại Trường tiểu học Hà Nội, một tuần cháu mới về nhà một lần; cháu L đang học Trường tiểu học Trần Phú, thành phố H. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi cả hai con chung của chị và anh T là cháu Nguyễn Vũ Bảo L và cháu Nguyễn Vũ Bảo N. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung, anh T đi lại thăm nom con chung chị không cản trở. Vì thực tế anh T không sống chung với con, từ ngày vợ chồng ly thân anh T không thăm nom con mà chỉ thỉnh thoảng gọi điện hỏi thăm và nói chuyện với con, cũng không yêu cầu chị phải cho nuôi con.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị Vũ Thị Thanh N xác định vợ chồng tự không có tài sản, đất đai chung; vợ chồng không có vay nợ chung, nên không đề nghị Toà án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã báo gọi Anh Nguyễn Xuân T đến để giải quyết vụ án anh T đều vắng mặt, không có lý do. Tòa án nhân dân thành phố Q tiến hành xác minh nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của anh T, chị N và hai con chung của anh T, chị N cũng như nơi cư trú của anh T hiện tại. Kết quả xác minh thể hiện: Anh Nguyễn Xuân T, Chị Vũ Thị Thanh N, cháu Nguyễn Vũ Bảo N, Nguyễn Vũ Bảo L đều có hộ khẩu thường trú tại tổ 11 (nay là tổ 7), phường H, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang; chung hộ khẩu với gia đình ông Nguyễn Xuân P (ông P là bố đẻ anh T), gia đình có nhà ở tại tổ 7, phường H. Tòa án nhân dân thành phố Q đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật và gửi qua đường bưu điện. N anh Thành vẫn cố ý không đến Tòa án để giải quyết việc chị N xin ly hôn.

Qua xác minh tại địa phương và tại gia đình đối với chị Khương Thị Thanh M (là chị dâu của anh T và là người đang trực tiếp sống tại nhà của gia đình anh T) về mối quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung, quan hệ tài sản, đất đai, vay nợ chung giữa Chị Vũ Thị Thanh N và Anh Nguyễn Xuân T thể hiện: Chị Vũ Thị Thanh N và Anh Nguyễn Xuân t có quan hệ vợ chồng hợp pháp, khi kết hôn có tổ chức cưới hỏi và có đăng ký kết hôn đúng quy định nhưng tại thời điểm đó anh T đi làm ăn xa nên

anh T và chị N không tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn tại Tuyên Quang. Sau khi kết hôn anh T đưa chị N về Tuyên Quang sinh sống cùng gia đình một thời gian. Chị N và các con của anh T đều có đăng ký hộ khẩu chung với gia đình. Sau này anh T và chị N đi làm ăn ở Hà Nội, thỉnh thoảng vợ chồng đưa con về nhà chơi. Mâu thuẫn của anh T chị N cụ thể thì gia đình không nắm được vì anh chị thường xuyên đi làm ăn ở xa. Anh T và chị N có 02 con chung: cháu Nguyễn Vũ Bảo N, sinh năm 2009; cháu Nguyễn Vũ Bảo L, năm 2011. Cả hai cháu hiện nay không ở cùng anh T mà đều do chị N nuôi dưỡng. Tài sản chung và vay nợ chung của chị N và anh T gia đình không nắm được, chỉ biết là anh chị không sống cùng nhau.

Lời khai của cháu Nguyễn Vũ Bảo N và Nguyễn Vũ Bảo L thể hiện: Hiện nay cả hai cháu đều đang do chị N nuôi dưỡng đúng như nội dung chị N cung cấp thông tin; cả hai cháu đều có nguyện vọng khi chị N anh Thành ly hôn thì được ở cùng chị N.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định; bị đơn không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho Chị Vũ Thị Thanh N được ly hôn với Anh Nguyễn Xuân T. Về quan hệ con chung: Giao cả hai con chung của anh T và chị N cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; anh T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Về quan hệ tài sản, đất đai chung chị N xác định vợ chồng không có; quan hệ vay nợ chung chị N xác nhận không có, Tòa án không xem xét giải quyết về quan hệ tài sản và vay nợ chung của chị N và anh T; Chị Vũ Thị Thanh N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, tại phiên tòa của Chị Vũ Thị Thanh N và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Thanh N và Anh Nguyễn Xuân T kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, khi chung sống vợ chồng mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, anh T có hành vi đánh đập chị N. Đến năm 2017 do mâu thuẫn vợ chồng quá căng thẳng mà chị N bỏ đi, hai vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Cuộc sống vợ chồng của chị N và anh T không có sự gắn kết, thực tế không có hạnh phúc, không tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Vũ Thị Thanh N, xử cho chị Nga được ly hôn với Anh Nguyễn Xuân T.

[2] Về con chung: Chị Vũ Thị Thanh N và Anh Nguyễn Xuân T có 02 con chung, cháu Nguyễn Vũ Bảo N, sinh ngày 21 tháng 8 năm 2009; cháu Nguyễn Vũ Bảo L, sinh ngày 17 tháng 7 năm 2011. Hiện nay, cả hai con chung của chị N và anh T đang do chị N trực tiếp nuôi dưỡng; lời khai của cháu N và cháu L đều thể hiện các cháu đang ở với chị N, anh T thỉnh thoảng có hỏi thăm các con. Nhưng cháu N và cháu L chỉ biết anh T đang đi làm ăn còn không biết cụ thể anh T ở đâu. Cả hai cháu N, L đều có nguyện vọng khi bố mẹ ly hôn các cháu muốn được ở với mẹ; chị N có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung của chị và anh T. Trong thời gian vợ chồng ly thân chị N trực tiếp nuôi các con, đảm bảo điều kiện sống của các con và cả hai cháu N, L đều được đi học đầy đủ. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cháu Nguyễn Vũ Bảo N và cháu Nguyễn Vũ Bảo L cho Chị Vũ Thị Thanh N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị Vũ Thị Thanh N có ý kiến xác nhận vợ chồng không có tài sản, đất đai chung; không có vay nợ chung. Không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về việc vắng mặt của Anh Nguyễn Xuân T: Trong quá trình giải quyết vụ án Anh Nguyễn Xuân T vắng mặt không có lý do, Tòa án nhân dân thành phố Q đã tiến hành xác minh nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, nơi cư trú và các mối quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung, quan hệ tài sản, đất đai, vay nợ chung của chị N và anh T, cũng như đã niêm yết toàn bộ các văn bản tố tụng đảm bảo đúng với các quy định của pháp luật. Việc anh T vắng mặt là cố ý trốn tránh việc giải quyết ly hôn, gây khó dễ cho quá trình giải quyết vụ án. Các thủ tục niêm yết và xác minh của Tòa án đã thực hiện đầy đủ và đúng với các quy định của pháp luật về việc giải quyết vụ án trong trường hợp một bên cố ý vắng mặt.

[5] Về án phí: Chị Vũ Thị Thanh N  phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Chị Vũ Thị Thanh N được ly hôn với Anh Nguyễn Xuân t.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Vũ Bảo Nam, sinh ngày 21 tháng 8 năm 2009 và cháu Nguyễn Vũ Bảo Long, sinh ngày 17 tháng 7 năm 2011, là con chung của chị N anh T, cho Chị Vũ Thị Thanh N trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc,

giáo dục. Anh Nguyễn Xuân T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Vũ Thị Thanh N phải nộp 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0000425 ngày 13 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang.

Anh Nguyễn Xuân t không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị Thanh N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh Nguyễn Xuân T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận***
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND thành phố Q;
- THADS thành phố Q;
- UBND phường H;
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

**Lương Thanh Huyền**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

| CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN | THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ |
| --- | --- |
| **Nguyễn Tiến Quân – Hứa Ngọc Cương** | **Lương Thanh Huyền** |